TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4- 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Năm – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh P.

Nơi cư trú hiện nay: Khu 7, xã H, huyện H, tỉnh P

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh P.

(Chị H có mặt, anh L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Lê Văn L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20/7/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T. Quá trình chung sống được một thời gian thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa anh chị bất đồng trong lối sống, không hợp nhau. Kể từ khoảng 5 năm trở lại đây, chị và anh L đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: chị và anh L có 01 con chung là cháu Lê Anh D, sinh ngày 20/9/2014. Hiện nay cháu D đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Văn L trình bày:

Anh và chị H kết hôn năm 2012 như chị H trình bày, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Mâu thuẫn do anh thường xuyên đi làm xa ít về. Một năm anh về nhà vài lần, tuy nhiên, khi về anh vẫn về ở cùng chị H và con tại nhà mẹ đẻ chị H ở xã H, huyện H, P. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2014 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xin được đoàn tụ, không muốn ly hôn. Tuy nhiên nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện nay cháu D đang ở với chị H. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi cháu D, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn L.

+ Về con chung: giao cháu Lê Anh D cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị H và anh L đều có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân H, huyện T, tỉnh P ngày 20/7/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh L có những bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã H cho biết quá trình anh chị H và anh L xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, anh L xin được đoàn tụ. Chị H xác định vợ chồng đã sống ly thân 05 năm nay, chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh L cho rằng vợ chồng sống xa nhau vì lý do anh đi làm xa. Còn khi được nghỉ, anh vẫn về thăm chị và con chung. Tuy nhiên, anh chị đều thừa nhận khoảng hơn một năm trở lại đây vợ chồng không chung về kinh tế và không còn sống chung về mặt tình cảm. Tại đơn trình bày ngày 20/3/2022 của chị H được khu dân cư 7, xã H, huyện H, tỉnh P xác nhận, thực tế anh L thỉnh thoảng có đến thăm con song lại về, không sinh sống cùng chị H. Anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con chung của anh chị có gia đình đầy đủ nhưng anh cũng không đưa ra giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng chị H và anh L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị H được ly hôn anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Lê Anh D - sinh ngày 20/9/2014. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng chị H. Chị H và anh L đều có quan điểm xin được trực tiếp nuôi cháu D. Tuy nhiên, cháu D có quan điểm xin được ở với mẹ. Hơn nữa, thực tế nhiều năm nay cháu D ơ với chị H được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, công việc đặc thù hiện tại của anh L là làm việc tại các công trình xây dựng có sự dịch chuyển về địa lý, không ổn định về địa điểm, anh L thường xuyên đi làm xa nhà. Vì vậy, xét giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D là phù hợp, đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục cháu thường xuyên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H do chị H không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn L

[2]. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh D, sinh ngày 20/9/2014 kể từ tháng 27/4/2022 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003291 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Văn L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Hoàng Cương
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan